TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNGNGÃI
Số: 1492 /LĐLĐ
V/v đôn đốc tổ chức HN CBCCVC, HN NLĐ; báo cáo kết quả thực hiện QCDC năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:
- Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố;
- Công đoàn ngành và tương đương;
- CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh.

Ngày 08/12/2021, Liên đoàn Lao động tỉnh có Công văn số 1425/LĐLĐ về việc tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và Hội nghị người lao động năm 2021, trong đó quy định thời gian tổng hợp và gửi báo cáo tình hình thực hiện quy chế dân chủ trước ngày 25/3/2022.

Để đảm bảo thời gian tổng hợp, báo cáo số liệu về Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện quy chế dân chủ, đề nghị các cấp công đoàn trong tỉnh triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc CĐCS trực thuộc phối hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, Hội nghị người lao động.

- Tổng hợp, rà soát và gửi danh sách CĐCS doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (có mẫu kèm theo).

- Tổng hợp, đánh giá, phân loại thỏa ước lao động tập thể của CĐCS theo Hướng dẫn số 1580/HD-TLĐ ngày 21/10/2014 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Báo cáo kết quả tình hình thực hiện quy chế dân chủ năm 2021 (có phụ lục số liệu kèm theo) về Liên đoàn Lao động tỉnh trước ngày 25/3/2022.

2. Đối với công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh

Chủ động phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức hội nghị người lao động; tự đánh giá, xếp loại thỏa ước lao động tập thể và gửi kết quả về Liên đoàn Lao động tỉnh trước ngày 25/3/2022.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, Ban CSPL&QHLĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Vũ Hoài Phương

Phụ lục báo cáo số liệu
Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
1	**Công tác tuyên truyền, tập huấn quy định mới**		
1.1	Số lớp/cuộc tập huấn, tuyên truyền	Lớp	
1.2	Số người tham gia	Người	
2	**Xây dựng quy chế dân chủ**		
2.1	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có QCDC, trong đó:	Đơn vị	
2.2	Xây dựng quy chế mới		
2.3	Sửa đổi, bổ sung quy chế		
3	**Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức**		
3.1	Tổng số đơn vị thuộc đối tượng thực hiện	Đơn vị	
3.2	Số đơn vị đã tổ chức Hội nghị CBCCVC		
4	**Tổ chức Hội nghị người lao động (NLĐ)**		
4.1	*Tổng số DN thuộc đối tượng thực hiện, trong đó:*		
a	Tổng số DN nhà nước	Đơn vị	
b	Tổng số DN dân doanh (công ty TNHH, tư nhân, CP…)		
c	Tổng số DN FDI		
d	Hợp tác xã		
đ	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		
4.2	*Tổng số DN đã tổ chức Hội nghị NLĐ, trong đó:*		
a	Đối với DN nhà nước	Đơn vị	
b	Đối với DN dân doanh		
c	Đối với DN FDI		
d	Đối với Hợp tác xã		
đ	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		
5	**Tổ chức đối thoại tại doanh nghiệp**		
5.1	Đối thoại định kỳ	Cuộc	
5.2	Đối thoại đột xuất		
6	**Hoạt động Ban thanh tra nhân dân** *(đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của Nhà nước, của tổ chức Chính trị, của tổ chức Chính trị-xã hội)*		
6.1	Số đơn vị phải có Ban thanh tra nhân dân	Đơn vị	

6.2	Số Ban thanh tra nhân dân có đến thời điểm báo cáo	BTTr	
7.	**Về thỏa ước lao động tập thể**		
7.1	***Số doanh nghiệp có Thoả ước lao động tập thể, trong đó:***	Bản	
	Đối với doanh nghiệp nhà nước		
	Đối với doanh nghiệp dân doanh		
	Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
7.2.	***Đánh giá, xếp loại TƯLĐTT, trong đó:***		
	Số bản TƯLĐTT đạt loại A		
	Số bản TƯLĐTT đạt loại B		
	Số bản TƯLĐTT đạt loại C		
	Số bản TƯLĐTT đạt loại D		
	Số bản TƯLĐTT không phân loại		
8.	**Số cuộc đình công, ngừng việc tập thể**	Cuộc	
9.	**Giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**	Đơn	
9.1	Số đơn, thư nhận được		
9.2	Số đơn, thư thuộc thẩm quyền đã giải quyết		
9.3	Số đơn, thư thuộc thẩm quyền chưa giải quyết		
9.4	Số đơn, thư chuyển cho cơ quan khác giải quyết		

DANH SÁCH
CĐCS doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý

TT	Tên doanh nghiệp	Loại hình	Ngành nghề	Số ĐV/NLĐ	Xếp loại TƯLĐTT năm 2021	Ghi chú
1.						
2.						
3.						